TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01**/2019/HSPT
Ngày 10/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Hùng

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Hà

Ông Lê Quốc Thành.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 182/2018/HSPT ngày 03 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Lê Thị X do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 203/2017/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa.

- *Bị cáo kháng cáo:* **Lê Thị X,** sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn 8, xã H.Đ, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Bị cáo là Đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt; Con ông: Lê Văn Th và bà Nguyễn Thị L; Có chồng Lê Ngọc O. và 02 con, con lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Ông: Trịnh Ngọc N - Vắng mặt.
2. Bà: Trần Thị Ng - Có mặt.

Luật sư Công ty Luật Hợp danh H.G – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa.

- *Người bị hại:*

1. Chị: Nguyễn Thị H - Sinh năm 1992. Có đơn đề nghị xử vắng mặt.
2. Anh: Nguyễn Tùng L. - Sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, Xã V.Th, Huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Mai Thị S - Sinh năm 1955. Vắng mặt.
Địa chỉ : Tổ 3, phố 9, phường Q.Th, TP Thanh Hóa, T.Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị X vắng mặt lần thứ 3 nhưng có đơn xin hoãn phiên tòa và đề nghị Tòa án "Trưng cầu giám định sức khỏe" do hiện nay đang

bị bệnh tim phải chữa trị lâu dài. Luật sư bào chữa cho bị cáo cũng đề nghị hoãn phiên tòa để trưng cầu giám định sức khỏe đối với bị cáo Lê Thị X.

Theo đề nghị của Người bị hại và đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa thì đề nghị hoãn phiên tòa để tiến hành "Trưng cầu giám định sức khỏe" của bị cáo Lê Thị X không liên quan đến vụ án và không thuộc trường hợp được hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định xét xử vụ án với sự vắng mặt của bị cáo có kháng cáo.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2015, Lê Thị X quen với bà Mai Thị S, SN 1955 trú tại phố 9, phường Q.Th, thành phố Thanh Hoá, hai bên thường xuyên qua lại, nên X nhận bà S là mẹ nuôi, khoảng đầu năm 2016, bà S điện thoại hỏi X có quen biết ai ở Bệnh viện để nhờ xin việc cho cháu, ban đầu X trả lời không quen ai có thể xin được việc nhưng sau đó do cần tiền trả nợ nên X nói với bà S là mình có khả năng xin việc vào bệnh viện Mắt tỉnh Thanh Hoá với chi phí 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng). Sau khi nghe X nói có thể xin được việc nên bà S đã gọi điện cho chị Nguyễn Thị H và cho chị H nói chuyện qua điện thoại với X, do tin tưởng X có thể xin được cho chị vào Bệnh Viện Mắt Thanh Hóa nên chị H đồng ý giao tiền cho bà S để bà S giao cho X, để X xin việc cho chị H. Vào ngày 26/3/2016 chị H đã trực tiếp giao cho bà S số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) cùng 01 bộ hồ sơ xin việc để xin cho chị H vào biên chế, làm việc tại Bệnh viện Mắt Thanh Hoá, Ngày 31/03/2016 bà S nhận số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) do anh Nguyễn Tùng L., SN 1988 (chồng chị H) giao. Sau khi nhận tiền của vợ chồng chị H, ngày 27/3/2016 bà S đã giao cho X số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và ngày 31/3/2016 X nhận 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Sau khi nhận tiền, X đã trả cho bà S 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) tiền vay nợ trước đó. Cũng trong ngày 31/03/2016 X đưa cho Đỗ Thanh B, SN 1976 trú tại xã Quảng Tâm, thành phố Thanh Hoá vay số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), số còn lại 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), X chi tiêu và sử dụng vào mục đích cá nhân hết. Bộ hồ sơ xin việc của chị H, X đã làm thất lạc nên không thu hồi được.

Đến hẹn, X không xin được việc cho chị H như đã thoả thuận nên anh Nguyễn Tùng L. (chồng chị H) đến Cơ quan CSĐT – CATP Thanh Hoá tố giác sự việc.

Tiến hành xác minh tại Bệnh viện Mắt Thanh Hoá: Từ tháng 07/2015 Bệnh viện Mắt Thanh Hoá đã ngừng tuyển dụng cán bộ nhân viên công chức. Từ trước đến nay Bệnh viện không nhận bất cứ hồ sơ xin việc nào mang tên Nguyễn Thị H trú tại V.Th, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá.

***** Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 203/2017/HSST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 33; khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1999; Điều 136 BLTTHS; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Lê Thị X phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Lê Thị X 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Tùng L. và chị Nguyễn Thị H số tiền 340.000.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu đồng).

- Án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo.

***** Ngày 14/9/2018, bị cáo Lê Thị X có đơn kháng cáo với nội dung: Ngày 30/8/2018 Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xử phạt bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với mức án 8 năm 6 tháng tù theo Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là không có căn cứ, vi phạm thủ tục tố tụng nên bị cáo bị oan sai. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại, toàn bộ vụ án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo không có mặt và không có đơn rút kháng cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng: Bị cáo X không phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" vì bị cáo không có thủ đoạn gian dối và cũng không có mục đích chiếm đoạt tài sản của chị H và anh L.. Nếu bị cáo X có hành vi chiếm đoạt là chiếm đoạt tài sản của bà S chứ không phải của chị H và anh L., trong khi bà S không tố cáo bị cáo X. Bà S không có mục đích chiếm đoạt nên Viện kiểm sát không truy tố bà S là đúng, trong vụ việc này anh B mới là người có thủ đoạn gian dối, do đó cần khởi tố vụ án đối với Đỗ Thanh B. Còn người bị hại là anh L. và chị H khởi kiện bà S yêu cầu trả lại tiền, giành quyền dân sự cho bà S khởi kiện buộc bị cáo X trả lại tiền cho bà S. Do cấp sơ thẩm có những vi phạm thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử nên đề nghị hủy án sơ thẩm, trả hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra, truy tố và xét xử lại theo thủ tục chung.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm: Mặc dù bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các nhân chứng và các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa tại phiên tòa, có đủ căn cơ sở khẳng định:

Bị cáo Lê Thị X không phải là người có chức vụ quyền hạn, không phải là người có thể quyết định được công việc của chị H, nhưng vì để có tiền chi tiêu trong nhu cầu cá nhân, cũng như gia đình bị cáo đã có lời nói gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của anh L. và chị H. Sau khi bị anh L. và chị H tố cáo,

bị cáo đã không tìm cách khắc phục hậu quả trả lại tiền cho bị hại, cho đến khi cơ quan điều tra khởi tố vụ án bị cáo mới khắc phục được số tiền 40.000.000đ, còn lại số tiền 340.000.000đ bị cáo chưa khắc phục, bồi thường cho bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo có đủ các dấu hiệu cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 của BLHS năm 1999 với mức hình phạt là 8 năm 6 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, tại phiên tòa mặc dù bị cáo vắng mặt nhưng không có đơn xin rút hoặc thay đổi nội dung kháng cáo nên được chấp nhận để xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo vắng mặt lần thứ 3, có đơn xin hoãn phiên tòa và đề nghị "Trưng cầu giám định sức khỏe" do hiện nay đang bị bệnh tim phải chữa trị lâu dài. Luật sư bào chữa cho bị cáo cũng đề nghị hoãn phiên tòa và đề nghị trưng cầu giám định sức khỏe đối với bị cáo Lê Thị X.

Xét thấy việc đề nghị hoãn phiên tòa để tiến hành "Trưng cầu giám định sức khỏe" của bị cáo Lê Thị X không liên quan đến vụ án và không thuộc trường hợp được hoãn phiên tòa. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định xét xử vụ án với sự vắng mặt của bị cáo.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vắng mặt nhưng theo đơn kháng cáo thì không thừa nhận có hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" như quá trình điều tra và Bản án sơ thẩm đã kết luận và đề nghị tuyên bố bị cáo không phạm tội. Các luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm bị cáo không có hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" mà chỉ là quan hệ dân sự và cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra, truy tố và xét xử lại.

- Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, hồ sơ cơ quan Điều tra thu thập, lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thấy rằng:

Người bị hại là chị H, anh L. đều khai về việc chị H đã gặp bà S (mẹ nuôi bị cáo) nói về việc có nhu cầu xin việc, bà S đã nói với chị H có người có thể xin được việc cho chị H và bà S đã cho chị H trực tiếp điện thoại với bị cáo X. Chị H điện thoại trực tiếp cho bị cáo X, bị cáo giới thiệu tên là Phương làm ở ở Sở Nội vụ có xuất đặc cách xin vào Bệnh viện Mắt Thanh Hóa với số tiền 380.000.000đ. Bà S cũng công nhận chị H có giao dịch qua điện thoại trực tiếp với bị cáo X. Tại giai đoạn điều tra bị cáo X cũng đã khai: Đầu tháng 3 năm

2016 bà S có gọi điện cho bị cáo hỏi có quen biết ai làm ở Bệnh viện Mắt không để xin việc cho cháu, lúc đó bị cáo nói chưa có chỗ nào để xin. Đến khoảng giữa tháng 3/2016, do cần tiền để trả nợ nên bị cáo đã gọi điện cho bà S và nói là xin vào Bệnh viện Mắt Thanh Hóa với số tiền 380.000.000đ. Sau đó bà S có đưa điện thoại của bị cáo cho người nhờ xin việc, bị cáo nói chuyện và biết đó là chị Nguyễn Thị H ở Vĩnh Lộc. Bị cáo nói với chị H là đưa đủ 380.000.000đ thì trong vòng 01 tháng sẽ có quyết định biên chế chính thức vào Bệnh viện Mắt Thanh Hóa và bị cáo nhờ bà S nhận tiền nếu chị H đưa. Như vậy, lời khai của người bị hại phù hợp với lời khai của bà S, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, có đủ cơ sơ để khẳng định: Mặc dù bị cáo không trực tiếp gặp mặt để thỏa thuận với người bị hại, nhưng thông qua việc giao dịch bằng điện thoại, bị cáo đã có hành vi gian dối, tạo niềm tin và hứa trong thời hạn 01 tháng sẽ xin được việc cho chị H vào biên chế chính thức tại Bệnh Viện Mắt với số tiền 380.000.000đ. Trong các ngày 27/3/2016 và ngày 31/3/2016, tại gia đình bà Mai Thị S, ở phố 9 phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hoá, bị cáo Lê Thị X đã nhận từ bà S 380.000.000đ, đó là số tiền của vợ chồng chị Nguyễn Thị H trú tại xã V.Th, Huyện Vĩnh Lộc, Thanh hóa nhờ bị cáo xin vào làm việc tại Bệnh viện Mắt tỉnh Thanh Hóa.

Trong khi xác minh tại bệnh viện Mắt Thanh Hóa, từ tháng 07/2015 Bệnh viện Mắt Thanh Hoá đã ngừng tuyển dụng cán bộ nhân viên công chức. Từ trước đến nay Bệnh viện không nhận bất cứ hồ sơ xin việc nào mang tên Nguyễn Thị H trú tại V.Th, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá, kết quả xác minh này phù hợp với việc bị cáo khai tại cơ quan điều tra đó là đã làm thất lạc bộ hồ sơ xin việc của chị H.

Luật sư cũng như bị cáo cho rằng bị cáo X không có hành vi chiếm đoạt: Nhưng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là do cần tiền để trả nợ và chi tiêu nên bị cáo đã gọi điện cho bà S và nói là có xuất đặc cách xin vào Bệnh viện Mắt Thanh Hóa với số tiền 380.000.000đ. Sau khi nhận 380.000.000đ của chị H gửi qua bà S, bị cáo đã dùng ngay số tiền của chị H để trả khoản nợ trước đó bị cáo đã vay của bà S là 40.000.000đ, số tiền còn lại bị cáo dùng vào việc riêng của cá nhân và gia đình. Trong giai đoạn điều tra bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả và trả cho chị H số tiền 40.000.000đ, còn lại 340.000.000đ đến nay vẫn chưa trả.

Bị cáo khai sau khi nhận tiền, bị cáo đã nhờ Đỗ Thanh B, SN 1976 trú tại xã Q.T, thành phố Thanh Hoá để xin việc cho chị H, bị cáo đã đưa cho B 170.000.000đ, tuy nhiên tại giấy nhận tiền ngày 31/3/2016, anh Đỗ Thanh B viết giấy nhận vay của Lê Thị X số tiền 140.000.000đ hẹn ngày 30/4/2016 sẽ hoàn lại số tiền trên. Như vậy lời nại của bị cáo về việc nhờ Đỗ Thanh B xin việc cho chị H là không có cơ sở vì chứng cứ thể hiện đó là giao dịch vay tài sản giữa bị cáo và anh B, phù hợp với các bản cung của bị cáo khai tại cơ quan điều tra là cho anh B vay tiền. Không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc bị cáo đã nhờ anh B xin việc cho chị H, mặt khác sau khi nhận hồ sơ của chị H bị cáo đã làm thất lạc. Do đó việc luật sư yêu cầu khởi tố anh Đỗ Thanh B là không có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Thị X không phải là người có chức vụ, quyền hạn, không có khả năng xin việc làm tại Bệnh viện mắt Thanh Hóa cho chị H. Nhưng vì để có tiền chi tiêu cá nhân cũng như gia đình, bị cáo đã có hành vi gian dối, hứa hẹn để nhằm mục đích chiếm đoạt 380.000.000đ của vợ chồng anh L. và chị H. Cho đến nay bị cáo mới khắc phục được số tiền 40.000.000đ, còn lại số tiền 340.000.000đ bị cáo chưa bồi thường cho người bị hại.

Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và lời bào chữa của luật sư cho bị cáo vì cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Lê Thị X 8 năm 6 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật , không oan sai và là cần thiết để răn đe và phòng ngừa chung.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ:** Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị X, giữ nguyên quyết định của Bản án án hình sự sơ thẩm số 203/2018/HSST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa.

***Áp dụng:** Điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 33; khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1999; Điều 136 BLTTHS; Điểm a khoản 2 Điều 23 nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị X: **08** năm **06** tháng (tám năm, sáu tháng) tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị X phải bồi thường cho anh Nguyễn Tùng L. và chị Nguyễn Thị H số tiền 340.000.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chậm thì hành, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Bị cáo Lê Thị X phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

***** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

***** Án phí phúc thẩm: Bị cáo Lê Thị X phải nộp **200.000** đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Huy Hùng

Nơi gửi
- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Tỉnh Thanh Hóa;
- CA tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- VKS,TA,THAHS TP Thanh Hóa;
- T.H.ADS TP Thanh Hóa;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu H.sơ vụ án.